

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó Chủ tịch
3. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/02/2012
2. Ông Lưu Quang Minh	Tổng Giám đốc	Đến ngày 31/01/2012
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 06/06/2011
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	
5. Bà Phạm Thị Hà Thương	Phó Tổng Giám đốc	
6. Ông Hoàng Văn Diện	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2011 được trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) - Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã được lập theo đúng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010 ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*(Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011)*

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 10 tháng 4 năm 2012, trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Khoản công nợ phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân trình bày trên báo cáo tài chính số tiền 238.000.000.000 đồng đang được Công ty trích lập dự phòng 30% giá trị. Do Ông Nguyễn Anh Quân đang có lệnh truy nã đồng thời tài sản đảm bảo cho khoản công nợ này là số cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, hiện nay chúng tôi không có cơ sở để định giá được giá trị của các cổ phần này nên chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của toàn bộ khoản công nợ nói trên cũng như tính hợp lý của mức trích lập dự phòng.

Các khoản đầu tư dài hạn trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá khả năng giảm giá trị của các khoản đầu tư này và sự cần thiết phải trích lập dự phòng (nếu có).

Đến thời điểm lập Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ của hơn 30,8 tỷ đồng đầu tư dài hạn khác (chiếm 14,6% tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các số dư này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau (tiếp):

Vấn đề tùy thuộc:

Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011), nội dung hợp đồng thể hiện Công ty cho Công ty Beta BQP vay 379.403.487.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản tiền chuyển theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền đã chuyển cho BETA là 38 tỷ đồng. Việc ký hợp đồng cho vay với số tiền trên 379 tỷ đồng, giá trị vượt quá 50% giá trị tổng tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2010 chưa có sự thông qua của Đại hội cổ đông. Tuy nhiên Công ty có ký với nhóm thể nhân bản hợp đồng hợp tác số 28-01/2011/HTĐT ngày 28/01/2011 để cùng đầu tư dự án, theo đó, nhóm thể nhân tự nguyện góp số tiền 229.403.487.000 đồng cùng với Công ty để thực hiện hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA. Như vậy trong tổng số tiền cho vay theo hợp đồng, Công ty chỉ chuyển cho Beta 238 tỷ đồng, số tiền này chiếm khoảng 40% tổng giá trị tài sản và vẫn nằm trong mức quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính tùy thuộc vào sự xem xét của Đại hội đồng cổ đông.

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng công nợ ngắn hạn là 359.214.226.868 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 359.694.536.992 đồng trong đó các khoản phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân là 238.000.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 71.400.000.000 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2011 là 141.215.203.623 đồng. Với tình hình tài chính như trên, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc phần lớn vào khả năng thu hồi khoản công nợ liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân cũng như khả năng thu xếp thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính do các hạn chế nêu trên, và trong giả định Công ty hoạt động liên tục, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		359.694.536.992	471.282.095.741
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.109.099.225	107.289.660.998
Tiền	111		1.109.099.225	27.289.660.998
Các khoản tương đương tiền	112		-	80.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	293.933.657.127	66.858.559.019
Đầu tư ngắn hạn	121		295.786.136.445	68.745.582.065
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.852.479.318)	(1.887.023.046)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.987.579.846	261.686.611.583
Phải thu khách hàng	131		18.886.834.660	20.548.885.160
Trả trước cho người bán	132		49.187.893.524	199.390.051.919
Các khoản phải thu khác	135	6	8.458.014.874	41.797.550.095
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(73.545.163.212)	(49.875.591)
Hàng tồn kho	140		6.108.411.659	2.327.454.674
Hàng tồn kho	141	8	6.108.411.659	2.327.454.674
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		55.555.789.135	33.119.809.467
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.339.744	142.631.583
Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.780.479	32.951.963
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	55.452.668.912	32.944.225.921
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.340.474.721	119.635.161.157
Tài sản cố định	220		1.433.280.814	4.542.197.755
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.433.280.814	4.542.197.755
- Nguyên giá	222		2.770.939.180	5.794.120.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.337.658.366)	(1.251.922.725)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		201.574.204.454	113.367.350.000
Đầu tư vào công ty con	251	11	2.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	550.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	12	210.663.236.240	110.817.350.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(11.089.031.786)	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.332.989.453	1.725.613.402
Chi phí trả trước dài hạn	261		221.461.675	725.613.402
Tài sản dài hạn khác	268		1.111.527.778	1.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		564.035.011.713	590.917.256.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		359.214.226.868	226.385.661.966
Nợ ngắn hạn	310		359.214.226.868	226.385.661.966
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	254.588.789.045	136.517.823.590
Phải trả người bán	312		15.765.314.668	354.651.613
Người mua trả tiền trước	313		4.832.733.050	12.334.563.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	10.953.268.530	15.505.512.403
Phải trả người lao động	315		704.035.171	-
Chi phí phải trả	316		11.638.897.483	1.943.846.164
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	56.997.406.522	59.444.805.908
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		3.733.782.399	284.458.938
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	204.820.784.845	364.531.594.932
Vốn chủ sở hữu	410		204.820.784.845	364.531.594.932
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.533.600.000	324.533.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		19.415.004.618	24.836.524.364
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(4.052.440.254)	(12.501.070.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.871.413.179	1.209.778.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.268.410.925	604.889.247
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(141.215.203.623)	25.847.872.827
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		564.035.011.713	590.917.256.898

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Ngoại tệ các loại (USD)			1.049,27	1.072,92

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	166.026.515.503	481.666.351.293
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.004.775.546	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	165.021.739.957	481.666.351.293
Giá vốn hàng bán	11	19	152.865.404.508	400.160.481.440
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.156.335.449	81.505.869.853
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	28.177.429.543	58.806.069.861
Chi phí tài chính	22	21	93.590.840.520	63.654.779.135
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>38.041.819.831</i>	<i>11.637.493.207</i>
Chi phí bán hàng	24	22	5.022.751.049	24.543.389.018
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	80.409.513.073	6.958.635.833
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(138.689.339.650)	45.155.135.728
Thu nhập khác	31	24	2.272.727.272	318.113.422
Chi phí khác	32		5.097.912.755	83.545.471
Lợi nhuận khác	40		(2.825.185.483)	234.567.951
Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(141.514.525.133)	45.389.703.679
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	10.948.641.713
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(141.514.525.133)	34.441.061.966

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	518.899.560.377	637.616.176.331
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(320.691.949.836)	(631.254.409.062)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.193.330.139)	(4.978.393.022)
Tiền chi trả lãi vay	04	(32.842.507.159)	(11.416.526.759)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.170.523.366)	(554.869.683)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.537.780.517	14.690.225.868
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(29.043.627.456)	(40.419.165.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	156.495.402.938	(36.316.961.380)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(971.461.818)	(936.925.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.500.000.000	272.727.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(525.839.447.539)	(1.273.532.759.764)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	318.967.256.299	1.154.369.721.215
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(81.419.419.916)	(58.218.920.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.343.000.000	2.808.510.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.414.114.919	10.262.059.581
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(254.005.958.055)	(164.975.587.513)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.846.160.000	262.048.488.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(288.000.000)	(12.501.070.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	809.891.581.314	961.541.971.375
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(821.122.105.482)	(895.309.201.127)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.912.615.219)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.672.364.168)	300.867.573.029
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(106.182.919.285)	99.575.024.136
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	107.289.660.998	7.714.636.862
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.357.512	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.109.099.225	107.289.660.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 10 ngày 06/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐT BXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10, vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 324.533,6 triệu đồng Việt Nam, chia thành 32.453.360 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong năm 2011, Công ty thực hiện mua lại 20.000 cổ phiếu quỹ và bán ra 567.000 cổ phiếu quỹ, tổng số cổ phiếu quỹ của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 263.000 Cổ phiếu. Số cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2011 của Công ty là 32.190.360 cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SHN (ngày chào sàn 16/12/2009).

Số lao động thường xuyên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 30 (năm 2010: 70)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại; và
- Các hoạt động kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng công nợ ngắn hạn là 359.214.226.868 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 359.694.536.992 đồng trong đó các khoản phải thu liên quan đến Công ty Cổ phần Beta BQP và Ông Nguyễn Anh Quân là 238.000.000.000 đồng đã quá hạn thanh toán, Công ty đã trích lập dự phòng số tiền là: 71.400.000.000 đồng. Lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2011 là 141.215.203.623 đồng. Lỗ lũy kế chủ yếu xuất phát từ khoản trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền lũy kế là 73.545.163.212 đồng, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với tổng số tiền là: 11.089.031.786 đồng. Tuy nhiên, khoản công nợ phải thu này được đảm bảo bởi quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và ban lãnh đạo Công ty cũng đang tích cực xúc tiến việc sang tên sở hữu cổ phần tại Công ty này. Đồng thời, trong các khoản công nợ phải trả ngắn hạn, số dư nợ vay liên quan đến quyền mua căn hộ tại dự án the Pride số tiền khoảng 93 tỷ đồng sẽ không phải thanh toán trong ngắn hạn mà sẽ được bù trừ khi khách hàng chuyển sang ký hợp đồng với chủ đầu tư. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn ngân hàng đều có tài sản đảm bảo là các căn hộ công ty có quyền mua thuộc dự án the Pride nên Công ty có thể thu xếp với ngân hàng. Vì vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù Công ty đang ở tình trạng rất khó khăn về tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	Thời gian sử dụng (năm)
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá thị trường của chúng tại ngày này. Theo đó, dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường tại ngày lập báo cáo thấp hơn giá đang hạch toán trên sổ kế toán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi tổ chức này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Giá trị các khoản Đầu tư dài hạn bao gồm Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản Đầu tư dài hạn khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo giá gốc. Đối khoản đầu tư vào dự án CT1 The Price, Công ty xác định có sự giảm giá của giá trị đầu tư so với giá thị trường nên Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các căn hộ với số tiền là: 11.089.031.786 đồng.

3.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức.

3.9 NGOẠI TỆ

Năm 2011 Công ty thay đổi chính sách ghi nhận đối với các khoản mục có gốc ngoại tệ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Lợi nhuận phát sinh do đánh giá lại tỷ giá của các khoản công nợ, tiền có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Các khoản vay của Công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.12 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	129.888.694	650.488.167
Tiền gửi ngân hàng	979.210.531	26.639.172.831
Các khoản tương đương tiền	-	80.000.000.000
	1.109.099.225	107.289.660.998

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		31/12/2011		01/01/2011
	CP	VND	CP	VND
- Cổ phiếu Đầu tư ngắn hạn	271.093	3.002.918.017	1.223.217	22.443.900.567
<u>Cổ phiếu niêm yết</u>				
Ngân hàng TMCP Á Châu	57	1.397.085	70.057	1.895.562.430
Công ty CP Xây lắp dầu khí	65	1.180.438	60.065	1.321.397.676
Công ty CP vật liệu xây dựng Đà Nẵng	21.000	126.000.000	42.660	649.387.767
Công ty CP Cơ điện và XD Việt Nam	-	-	90.000	1.529.100.000
Công ty CP Sông Đà 3	-	-	70.400	1.189.834.320
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	50.000	580.000.000
Công ty CP Thép Việt Ý	-	-	45.000	1.823.868.000
Công ty CP ĐT Hạ tầng & Đô thị Dầu khí	-	-	171.000	2.038.500.000
Công ty CP SIMCO Sông Đà	-	-	20.000	462.266.667
Công ty CP KD khí hoá lỏng Miền Bắc	-	-	134.500	2.070.996.948
Công ty CP Sông Đà 704	-	-	25.000	534.642.857
Công ty CP Sông Đà 6	-	-	50.000	1.121.068.572
Công ty CP Sông Đà 9	-	-	30.000	760.525.714
Công ty CP TM dầu khí Sông Đà	-	-	50.000	1.119.800.000
Quỹ đầu tư CK Việt Nam	-	-	100.000	1.179.983.000
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	-	-	65.000	937.828.571
Công ty CP Đầu tư CMC	-	-	25.000	525.944.201
Công ty CP bánh kẹo Hải Hà	-	-	21.000	554.380.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long	-	-	30.000	581.819.999
Công ty CP Sông đà 1	249.700	2.871.376.106	-	-
Các cổ phiếu niêm yết khác	271	2.964.388	73.535	1.566.993.845
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	292.783.218.428	-	46.301.681.498
Cho cá nhân và tổ chức kinh tế vay	-	256.521.269.348	-	46.180.826.498
<i>Trong đó:</i>				
- Công ty CP BETA BQP vay (*)	-	238.000.000.000	-	-
- Cá nhân và tổ chức kinh tế khác vay(**)	-	18.521.269.348	-	46.180.826.498
Đầu tư ngắn hạn khác		36.141.094.080		
Thẻ Golf		120.855.000		120.855.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.852.479.318)	-	(1.887.023.046)
Cổ phiếu niêm yết	-	(1.852.479.318)	-	(1.887.023.046)
	271.093	293.933.657.127	1.223.217	66.858.559.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

(*): Công ty CP BETA BQP vay: Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A- Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty CP BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Tại ngày 31/12/2011 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty CP Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa được thực hiện. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và ngày có lệnh truy nã ngày 24-12-2011. Công ty Hanic nhiều lần có công văn đề nghị Công ty CP Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại công văn 26/2011/CV-ĐTM, tuy nhiên, không kết quả. Vì vậy Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 30% giá trị khoản công nợ này.

Liên quan đến khoản công nợ phải thu này, lãi vay phải thu của khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011 và Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, lãi suất vay là 25%/năm, ước tính cả năm khoảng 41 tỷ đồng. Đồng thời, theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty CP BETA BQP, khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền là: 35.000.000.000 đồng. Ngoài ra, có khoản tiền Công ty CP BETA BQP xác nhận bồi thường thiệt hại cho Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội do không thực hiện đúng các cam kết về thanh toán dẫn đến việc Công ty CP đầu tư tổng hợp Hà Nội đã phải bán giảm giá tài sản để trả nợ cho các cá nhân đã góp vốn đầu tư vào Dự án Thanh Hà số tiền là khoảng 34 tỷ đồng. Tổng giá trị các khoản phải thu tăng thêm là khoảng 111 tỷ đồng. Do khoản nợ gốc chưa chắc chắn thu hồi nên tạm thời Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này trên báo cáo tài chính.

(**): Giá trị đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế của Hội đồng Quản trị Công ty về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 65% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	468.012.100	38.258.054.106
Phải thu về tiền đặt cọc mua chứng khoán	-	-
Ứng tiền góp vốn đầu tư bất động sản	3.763.200.000	2.520.000.000
Lãi hợp đồng Repo chứng khoán	-	22.664.889
Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cơ điện và Công trình	-	481.675.000
Tiền lãi vay phải thu khác	3.414.362.636	515.156.100
Phải thu khác	812.440.138	-
	8.458.014.874	41.797.550.095

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Beta BQP (*)	(71.400.000.000)	-
Dự phòng phải thu khó đòi khác	(2.145.163.212)	(49.875.591)
	(73.545.163.212)	(49.875.591)

(*) Khoản Công nợ với Công ty CP BETA BQP số tiền chậm thanh toán là: 238 tỷ đồng, Công ty đang trích lập tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi là 30% trên tổng số tiền phải thu của Công ty CP BETA BQP.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí SXKD dở dang	6.108.411.659	2.327.454.674
Giá trị gốc của hàng tồn kho	6.108.411.659	2.327.454.674

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	55.452.668.912	17.092.983.921
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	15.851.242.000
- Ký quỹ bằng tiền	-	7.711.242.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	3.746.982.000
Công ty Cổ phần chứng khoán MHB	-	3.964.260.000
- Cầm cố, ký quỹ bằng chứng khoán	-	8.140.000.000
Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam	-	8.140.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
	55.452.668.912	32.944.225.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	5.581.719.586	212.400.894	5.794.120.480
Giảm trong năm	3.023.181.300	-	3.023.181.300
- Thanh lý, nhượng bán	3.023.181.300	-	3.023.181.300
31/12/2011	2.558.538.286	212.400.894	2.770.939.180
HAO MÒN LUỸ KẾ			
01/01/2011	(1.122.610.816)	(129.311.909)	(1.251.922.725)
Khấu hao trong năm	(744.638.019)	(37.093.684)	(781.731.703)
- Trích khấu hao trong năm	(744.638.019)	(37.093.684)	(781.731.703)
Giảm trong năm	695.996.062	-	695.996.062
- Thanh lý, nhượng bán	695.996.062	-	695.996.062
31/12/2011	(1.171.252.773)	(166.405.593)	(1.337.658.366)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	4.459.108.770	83.088.985	4.542.197.755
31/12/2011	1.387.285.513	45.995.301	1.433.280.814

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 80.920.319 đồng.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2011 VND	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Địa chỉ: Nhà Vườn NB42 KĐT Trung hòa Nhân Chính - Hà Nội				
Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô; buôn bán nông lâm sản, nguyên liệu và động vật sống.				
	2.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011		01/01/2011	
	CP	VND	CP	VND
- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu dài hạn	-	38.502.350.000	-	29.700.350.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.851.235	38.502.350.000	2.195.035	29.700.350.000
+ Công ty CP PV INCONESS	789.035	11.739.350.000	789.035	11.739.350.000
+ Công ty CP Chứng khoán Hà nội	60.000	2.100.000.000	60.000	2.100.000.000
+ Công ty CP phát triển hạ tầng Hà Nội	1.344.200	13.442.000.000	978.000	9.780.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Tài chính Findex	148.000	1.776.000.000	148.000	1.776.000.000
+ Tổng Công ty CP Điện tử tin học	20.000	380.000.000	20.000	380.000.000
+ Công ty CP FLC	-	-	150.000	3.000.000.000
+ Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí	490.000	9.065.000.000	50.000	925.000.000
- Đầu tư dài hạn khác		172.160.886.240		81.117.000.000
+ Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ		25.000.000.000		25.000.000.000
+ Dự án toà nhà văn phòng và khu chung cư cao cấp Mỹ Đình		5.067.000.000		5.067.000.000
+ Dự án Khu biệt thự Quang Hương		800.000.000		800.000.000
+ Công ty CP Thủy điện Đăkpru HANIC		3.900.000.000		3.900.000.000
+ Công ty CP Xuân Minh SĐ Thanh Hoa		5.850.000.000		5.850.000.000
+ Dự án Trạm thu phí Hoàng Mai		13.500.000.000		15.500.000.000
+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm CN Diềm Thụy		18.207.000.000		25.000.000.000
+ Dự án CT1 - The Pride (*)		99.836.886.240		-
	2.851.235	210.663.236.240	2.195.035	110.817.350.000

Ghi chú: Khoản đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày theo giá gốc.

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Đầu tư Hải Phát (chủ đầu tư) về việc góp vốn đầu tư và kinh doanh dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư và phụ lục 06, Công ty sẽ tham gia góp vốn vào dự án với tổng số tiền là: 215.263.339.200 đồng với diện tích sàn 9.856,38 m² từ tầng 7 đến tầng 33. Tính đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đã góp là khoảng 86 tỷ đồng và ghi nhận khoản phải trả góp đợt 4 là 14.262.393.600 đồng. Phần còn lại sẽ góp theo tiến độ hoàn thành của dự án do chủ đầu tư thông báo. Trường hợp quyền mua các căn hộ được chuyển cho khách hàng, khách hàng sẽ trực tiếp thanh toán phần còn lại cho chủ đầu tư.

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với khoản đầu tư vào dự án “CT1 - Tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc khu đô thị mới An Hưng - Hà Đông - Hà Nội”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Eximbank - Chi nhánh Long Biên	29.150.000.000	8.315.428.190
Ngân hàng TMCP Techcombank - Hội sở chính	-	50.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	6.699.000.000
Công ty CP chứng khoán MHB	-	2.412.100.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hà Nội	-	3.859.970.400
Công ty CP Liên Việt Holdings (*)	36.820.000.000	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	8.500.000.000	50.000.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán tại Công ty Chứng khoán Nam Việt	465.858.000	-
Vay các cá nhân (**)	179.652.931.045	15.231.325.000
	254.588.789.045	136.517.823.590

(*) Các khoản vay hai ngân hàng này được Công ty thế chấp bằng một số căn hộ mà Công ty được quyền bán thuộc dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội.

(**) Trong đó có số dư vay cá nhân liên quan đến dự án CT1 - Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ The Pride thuộc Khu đô thị An Hưng – Hà Đông – Hà Nội với số tiền là 93.667.200.645 đồng. Các khoản vay này không tính lãi suất.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	109.330.596	4.913.306.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.190.953.154	10.413.229.827
Thuế thu nhập cá nhân	316.905.770	178.976.084
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	336.079.010	-
	10.953.268.530	15.505.512.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.415.166	-
Bảo hiểm xã hội	52.464.693	-
Bảo hiểm y tế	9.085.496	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.197.541	-
Công ty Quản lý quỹ Dầu khí toàn cầu (*)	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty CP chứng khoán MHB-Hà Nội	-	5.719.327.862
Công ty CP chứng khoán Thăng Long	-	29.520.000
Tổng công ty CP bảo hiểm dầu khí Việt Nam	-	3.514.720.000
Công ty CP Phát triển hạ tầng Hà Nội (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán TM và Công nghiệp Việt Nam	-	13.851.828.505
Ông Đỗ Trung Thiện	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	16.267.249.376	40.569.376
Công ty CP Chứng khoán Nam Việt	192.591.919	-
Phải trả các cá nhân tiền góp vốn hợp tác đầu tư	4.199.400.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	269.002.331	288.840.165
	56.997.406.522	59.444.805.908

(*) Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND và Biên bản thống nhất ngày 16/05/2009 giữa Công ty và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 15% vốn đầu tư dự án Tây Mỗ.

(**) Số tiền Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội chuyển theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền tham gia dự án Trung tâm Thương mại dịch vụ và nhà ở Vạn Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	324.533.600.000	324.533.600.000
	324.533.600.000	324.533.600.000

Trong năm 2011, Công ty tiến hành mua vào 20.000 cổ phiếu quỹ tại ngày 22/04/2011 và bán ra thị trường 567.000 cổ phiếu quỹ trong tháng 12/2011. Số cổ phiếu của Công ty lưu hành tại ngày 31/12/2011 là 32.190.360 cổ phiếu.

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	324.533.600.000	87.020.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	237.513.600.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	324.533.600.000	324.533.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	14.793.400.000

17.3 CỔ TỨC

	Năm 2011	Năm 2010
	%	%
Cổ tức theo kế hoạch	-	15%
+ Cổ tức năm 2011 tạm chia	-	-
+ Cổ tức năm 2010 tạm chia	-	10%
+ Số còn lại cổ tức năm 2009 chia trong năm 2010	-	7%

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	32.453.360	32.453.360
+ Cổ phiếu thường	32.453.360	32.453.360
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.190.360	31.643.360
+ Cổ phiếu thường	32.190.360	31.643.360
Số lượng cổ phiếu quỹ	263.000	810.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Viglacera, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
01/01/2010	87.020.000.000	504.000.000	(238.601.444)	-	227.058.494	113.529.247	8.764.868.551	96.390.854.848
Tăng vốn trong năm	237.513.600.000	24.332.524.364	-	(12.501.070.000)	-	-	-	249.345.054.364
Lợi nhuận năm	-	-	-	-	-	-	34.441.061.966	34.441.061.966
Chia cổ tức năm	-	-	-	-	-	-	(14.793.400.000)	(14.793.400.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	982.720.000	491.360.000	(1.474.080.000)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	238.601.444	-	-	-	(1.090.577.690)	(851.976.246)
31/12/2010	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	25.847.872.827	364.531.594.932
01/01/2011	324.533.600.000	24.836.524.364	-	(12.501.070.000)	1.209.778.494	604.889.247	25.847.872.827	364.531.594.932
Tăng vốn trong năm	-	-	-	(288.000.000)	-	-	-	(288.000.000)
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-	(141.514.525.133)	(141.514.525.133)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.661.634.685	1.663.521.678	(4.325.156.363)	-
Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
(Giảm) khác (*)	-	(5.421.519.746)	-	8.736.629.746	-	-	(21.223.394.954)	(17.908.284.954)
31/12/2011	324.533.600.000	19.415.004.618	-	(4.052.440.254)	3.871.413.179	2.268.410.925	(141.215.203.623)	204.820.784.845

(*) Giảm khác bao gồm:

- Công ty thực hiện bán Cổ phiếu quỹ trong kỳ, giá trị khớp lệnh thấp hơn giá trị ghi sổ của cổ phiếu quỹ phản chênh lệch hạch toán giảm giá trị Thặng dư vốn cổ phần.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành và phần cổ tức còn lại năm 2010 là 5% phải trả cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 số 01/NQ- ĐHĐCĐ/2011 ngày 19/4/2011 với số tiền lần lượt là 3.327.043.357 đồng, 300.000.000 đồng và 16.226.680.000 đồng.
- Các khoản truy thu thuế và phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế, số tiền là: 454.136.344 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.026.515.503	481.666.351.293
- Doanh thu sản giao dịch bất động sản	5.382.124.542	-
- Doanh thu bán hàng	156.500.667.802	417.202.479.097
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.143.723.159	64.463.872.196
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.004.775.546	-
- Hàng bán bị trả lại	1.004.775.546	-
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	165.021.739.957	481.666.351.293

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	152.865.404.508	400.160.481.440
	152.865.404.508	400.160.481.440

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.770.422.535	10.576.713.004
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.363.103.113	44.413.721.917
Cổ tức lợi nhuận được chia	1.418.435.900	1.810.738.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	313.951.078
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.357.512	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.623.110.483	1.690.945.862
	28.177.429.543	58.806.069.861

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	38.041.819.831	11.637.493.207
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn và phí giao dịch chứng khoán	23.205.328.719	46.699.426.386
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.287.599.841
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	(34.543.728)	(948.015.621)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.237.448.986	-
Chi phí tài chính khác	20.140.786.712	4.978.275.322
	93.590.840.520	63.654.779.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.236.671.272	2.114.156.584
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	265.192.850	209.454.531
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.193.940	88.612.798
Chi phí thuế, phí, lệ phí	17.382.996	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.225.026.947	6.294.291.188
Chi phí bằng tiền khác	1.177.283.044	15.836.873.917
	5.022.751.049	24.543.389.018

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.726.820.222	2.948.930.282
Chi phí vật liệu	587.138.074	647.968.960
Chi phí đồ dùng văn phòng	239.492.298	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	680.537.763	662.343.207
Chi phí thuế, phí, lệ phí	98.807.053	965.849.184
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	73.495.287.621	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.909.787	1.273.932.607
Chi phí bằng tiền khác	712.520.255	459.611.593
	80.409.513.073	6.958.635.833

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011
	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	2.272.727.272
	2.272.727.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(141.514.525.133)	45.389.703.679
Các khoản điều chỉnh khôi thu nhập chịu thuế	1.420.793.412	1.810.738.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.418.435.900	1.810.738.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.357.512	-
Điều chỉnh giảm chi phí tính thuế	6.621.246.779	215.601.175
- Phạt hành chính	880.000	18.538.801
- Chi phí lãi vay vượt mức 1,5 lần lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà Nước quy định	5.236.317.589	197.062.374
- Phạt Thuế theo BB Quyết toán thuế	1.251.614.263	-
- Dự phòng phải thu khó đòi		
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	132.434.927	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(136.314.071.766)	43.794.566.854
Chi phí thuế TNDN ước tính theo thuế suất 25%		10.948.641.713
Chi phí thuế TN doanh nghiệp hiện hành	-	10.948.641.713
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.948.641.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Giao dịch với các bên liên quan:***

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	
	VND	VND
Vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Đinh Hồng Long	12.173.500.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	4.450.000.000	-
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	10.550.000.000	12.150.000.000
Ông Lưu Quang Minh	265.000.000	-
<i>Lãi vay</i>		
Ông Đinh Hồng Long	816.065.625	625.256.561
Ông Lưu Quang Minh	347.639.500	-
<i>Lãi vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	728.228.355	625.256.561
Cho vay bên liên quan		
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Ông Đinh Hồng Long	108.700.000	
Ông Lưu Quang Minh	-	588.316.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	887.000.000	-
<i>Nợ gốc vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	108.700.000	
Ông Lưu Quang Minh	-	1.798.316.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	887.000.000	-
<i>Lãi vay</i>		
Ông Đinh Hồng Long	8.261.200	
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	5.421.500	-
<i>Lãi vay đã trả</i>		
Ông Đinh Hồng Long	8.261.200	
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	5.421.500	
Giao dịch khác		
<i>Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam</i>		
Cho vay vốn lưu động	12.986.809.507	-
Thu hồi vốn lưu động	18.837.300.000	-
Giao dịch khác		
<i>Ông Nguyễn Thanh Sơn</i>		
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần	-	1.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****26.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công nợ phải thu		
Công ty CP Cơ điện và Công trình	120.225.000	481.675.000
Công ty TNHH XNK Hàng hóa Việt Nam	6.848.307.707	12.698.798.200
Vay ngắn hạn		
Ông Đinh Hồng Long	1.623.500.000	-
Ông Lưu Quang Minh	4.185.000.000	-
Nhận tiền ứng trước mua cổ phần		
Ông Nguyễn Thanh Sơn	-	1.500.000.000

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2012

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

-----***-----
Số : 122 /CV-HANIC

-----***-----
Hà nội, ngày 10 tháng 04 năm 2012

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội(HANIC) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau khi kiểm toán Báo cáo tài chính(BCTC) năm 2011 như sau:

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(63,78)	(141,51)	(77,73)

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội xin trình bày những khoản mục tác động chủ yếu đến khoản chênh lệch trên như sau:

CHỈ TIÊU	Số tiền(tỷ đồng)	Ghi chú
1. Điều chỉnh giảm trích lập dự phòng phải thu khó đòi	33,31	
2.Điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính	(41,87)	Lãi cho vay công ty BETA BQP
3.Điều chỉnh giảm khoản thu nhập khác	(69,17)	Các khoản phạt Công ty BETA BQP
+ Phạt vi phạm hợp đồng Công ty BETA BQP	35,0	
+ Khoản tiền bồi thường thiệt hại đối với BETA	34,17	
Cộng	(77,73)	

(1). Trước khi kiểm toán BCTC năm 2011, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 104.,71 tỷ đồng với tỷ lệ là 30% trên toàn bộ số nợ phải thu của Công ty CP BETA BQP là 349,04 tỷ đồng (bao gồm: Tiền nợ gốc, lãi vay, tiền phạt hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại). Sau khi kiểm toán, Công ty chỉ được trích lập dự phòng phải

thu khó đòi là 71,4 tỷ đồng trên số nợ gốc phải thu là 238 tỷ. Vì vậy số chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi sau kiểm toán giảm 33,31 tỷ đồng.

(2) và (3): Theo ý kiến của kiểm toán, do các khoản phải thu của Công ty Cổ phần BETA BQP gồm: lãi vay, tiền phạt hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại chưa chắc chắn thu hồi nên để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong hạch toán, kiểm toán đề nghị Công ty tạm thời chưa ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác của các khoản phải thu trên. Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận và thực hiện điều chỉnh các bút toán liên quan đến các khoản phải thu trên.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty, kính trình Quý cơ quan quản lý xem xét!

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TS. Đinh Hồng Long

